

Số: **25** /2009/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2009

**QUYẾT ĐỊNH**

**VỀ VIỆC THU PHÍ TRÔNG GIỮ XE ĐẠP, XE MÁY, Ô TÔ  
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí, Lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/09/2003 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 06/2004/TT-BTC ngày 04/02/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/9/2003 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/05/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2008/NQ-HĐND ngày 12/12/2008 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội Khoá XIII Kỳ họp thứ 17;

Xét đề nghị của Cục Thuế Thành phố Hà Nội tại Công văn số 17473/CT-THNVDT ngày 21/11/2008 và Báo cáo thẩm định số 53/STP-VBPQ ngày 08/01/2009 của Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Đối tượng nộp phí**

Các tổ chức, cá nhân được cung ứng dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô.

## Điều 2. Mức thu phí

### 1. Phí trông giữ xe đạp, xe máy

(1 lượt xe: là một lần xe vào và ra trên điểm trông giữ; Thời gian ban ngày: từ 6 giờ đến 18 giờ, thời gian ban đêm: từ 18 giờ đến 6 giờ ngày hôm sau).

Nội dung thu phí	Đơn vị tính	Mức thu
- Phí trông giữ xe đạp ban ngày	đồng/xe/lượt	1.000
- Phí trông giữ xe máy ban ngày	đồng/xe/lượt	2.000
- Phí trông giữ xe đạp ban đêm	đồng/xe/lượt	2.000
- Phí trông giữ xe máy ban đêm	đồng/xe/lượt	3.000
- Phí trông giữ xe đạp theo tháng	đồng/xe/tháng	25.000
- Phí trông giữ xe máy theo tháng	đồng/xe/tháng	45.000

Riêng đối với các Huyện ngoại thành (trừ trường hợp trông giữ xe tại các khu văn hoá, thể dục thể thao, vui chơi giải trí và trung tâm triển lãm áp dụng theo các mức thu trên); chợ, trường học, bệnh viện áp dụng theo mức thu sau:

Nội dung thu phí	Đơn vị tính	Mức thu
- Phí trông giữ xe đạp ban ngày	đồng/xe/lượt	500
- Phí trông giữ xe máy ban ngày	đồng/xe/lượt	1.000
- Phí trông giữ xe đạp ban đêm	đồng/xe/lượt	1.000
- Phí trông giữ xe máy ban đêm	đồng/xe/lượt	2.000
- Phí trông giữ xe đạp theo tháng	đồng/xe/tháng	25.000
- Phí trông giữ xe máy theo tháng	đồng/xe/tháng	45.000

### 2. Phí trông giữ xe ô tô

#### a) Phí trông giữ xe ô tô theo từng lượt:

- + Xe có 9 ghế ngồi trở xuống và xe tải từ 1,5 tấn trở xuống: 10.000 đ/xe/lượt
- + Xe có 10 ghế ngồi trở lên và xe tải trên 1,5 tấn trở lên: 20.000 đ/xe/lượt
- Đối với các quận: 1 lượt tối đa không quá 120 phút, quá thời gian 120 phút thì thu thêm các lượt tiếp theo, trường hợp gửi xe qua đêm tính bằng 3 lượt.
- Đối với Hà Đông, Sơn Tây và các huyện không quy định thời gian cho 1 lượt.

Riêng các trung tâm văn hoá, thể dục thể thao, khu vui chơi giải trí, khu danh lam thắng cảnh thuộc các địa bàn này thì mức thu ban ngày không quá 2 lượt (1 lượt tối đa không quá 240 phút); trường hợp gửi xe qua đêm tính bằng 2 lượt.

#### b) Phí phục vụ tạm dừng, đỗ xe ô tô tháng tại các điểm đỗ xe công cộng

- + Xe có 9 ghế ngồi trở xuống: 60.000 đ/xe/tháng
- + Xe có 10 ghế ngồi trở lên: 80.000đ/xe/tháng
- + Xe Taxi: 80.000đ/xe/tháng

#### c) Phí trông giữ ô tô hợp đồng theo tháng

\* Mức thu đối với loại xe tính theo ghế ngồi (xe con, xe du lịch, xe khách):

- ① Tại 4 Quận nội thành: Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Đống Đa:  
- Đối với xe gửi tại nơi không có mái che (Biểu 1):

*Đơn vị tính: đồng*

Phương thức nhận trông giữ ô tô	Thời gian trông giữ	Mức thu			
		Đến 9 ghế ngồi	Từ 10 ghế đến 16 ghế ngồi	Từ 17 ghế đến 29 ghế ngồi	Từ 30 ghế ngồi trở lên
Trông giữ ban ngày	1 Tháng	300.000	400.000	500.000	600.000
Trông giữ ban đêm	nt	400.000	500.000	600.000	700.000
Trông giữ ngày, đêm	nt	500.000	600.000	700.000	800.000

Riêng xe có dung tích máy từ 1.750 cm<sup>3</sup> trở lên và có thời gian sử dụng trong vòng 3 năm kể từ năm sản xuất xe đến thời điểm ký hợp đồng trông giữ xe áp dụng mức thu bằng (=) mức thu quy định tại Biểu 1 nhân (x) với hệ số: K1=1,2

- Đối với xe gửi tại nơi có mái che:

+ Xe có dung tích máy từ 1.750 cm<sup>3</sup> trở lên và có thời gian sử dụng trong vòng 3 năm kể từ năm sản xuất xe đến thời điểm ký hợp đồng trông giữ xe áp dụng mức thu bằng (=) mức thu quy định tại Biểu 1 nhân (x) với hệ số: K2 = 1,8

+ Các loại xe còn lại áp dụng mức thu bằng (=) mức thu quy định tại Biểu 1 nhân (x) với hệ số: K3 = 1,5

② Tại các quận khác và Hà Đông, Sơn Tây:

Mức thu phí: bằng (=) mức thu quy định tương ứng với các trường hợp trên của 4 quận nội thành (Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Đống Đa) nhân (x) với hệ số: K4 = 0,8

③ Tại các huyện ngoại thành:

Mức thu phí: bằng (=) mức thu quy định tương ứng với các trường hợp trên của 4 quận nội thành (Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Đống Đa) nhân (x) với hệ số: K5 = 0,7

\* Mức thu đối với xe tính theo tải trọng (xe tải):

① Tại tất cả các quận trong Thành phố Hà Nội và Hà Đông, Sơn Tây (Biểu 2):

*Đơn vị tính: đồng*

Phương thức nhận trông giữ ô tô	Thời gian trông giữ	Mức thu			
		Đến 1,5 tấn	Từ 1,6 tấn đến 3,5 tấn	Từ 3,6 tấn đến 7 tấn	Trên 7 tấn
Trông giữ ban ngày	1 Tháng	250.000	300.000	400.000	600.000
Trông giữ ban đêm	nt	300.000	350.000	450.000	700.000
Trông giữ ngày, đêm	nt	350.000	400.000	550.000	800.000

② Tại các huyện ngoại thành:

Mức thu phí bằng (=) mức thu quy định tại các quận trong thành phố như nêu ở Biểu 2 nhân (x) với hệ số:  $K = 0,8$

(Tất cả mức thu trên đều đã bao gồm thuế GTGT)

### **Điều 3. Đơn vị thu phí (thực hiện theo phân cấp quản lý)**

- Các tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

- Riêng đối với các cơ quan Bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các cấp, các sở, ngành trên địa bàn Thành phố Hà Nội có trách nhiệm bố trí khu vực để phương tiện giao thông của cán bộ, công chức, viên chức và của người đến giao dịch, làm việc; không được thu phí gửi phương tiện giao thông của người đến giao dịch, làm việc (theo quy định tại Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/08/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy chế văn hoá công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước).

Trách nhiệm của đơn vị thu phí: niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu phí về tên phí, mức thu phí, phương thức thu và cơ quan quy định thu. Khi thu tiền phí phải cấp chứng từ thu cho đối tượng nộp phí theo quy định.

### **Điều 4. Quản lý, sử dụng tiền phí thu được**

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 (điểm D mục III), Công văn số 5963/BTC-NSNN ngày 08/05/2007 và Công văn số 12602/BTC-NSNN ngày 12/10/2006 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Đối với các đơn vị được tổ chức theo loại hình doanh nghiệp, các hộ kinh doanh: Số phí trông giữ ô tô, xe máy, xe đạp do các doanh nghiệp, hộ kinh doanh thu theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao được tính là doanh thu của doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh có trách nhiệm quản lý, sử dụng số phí trông giữ ô tô, xe máy, xe đạp theo chế độ quy định về phí, lệ phí và thực hiện nghĩa vụ về thuế với nhà nước theo các quy định hiện hành.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ tài chính: số phí trông giữ xe ô tô, xe máy, xe đạp thu theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, sau khi được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định của Nhà nước; phần còn lại phải nộp ngân sách nhà nước và được hạch toán vào Mục lục ngân sách nhà nước theo loại, khoản, mục, tiểu mục tương ứng theo quy định.

- Đối với các địa phương không tổ chức bộ máy quản lý riêng: số phí trông giữ xe ô tô, xe máy, xe đạp thu được sau khi trừ phần chi phí tổ chức thu, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước và được hạch toán vào Mục lục ngân sách nhà nước theo loại, khoản, mục, tiểu mục tương ứng theo quy định.

### **Điều 5. Chứng từ thu phí**

Sử dụng biên lai thu phí; hoá đơn GTGT hoặc vé in sẵn do Cơ quan Thuế phát hành.

### **Điều 6. Xử lý vi phạm**

Các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/09/2003 của Chính phủ và Thông tư số 06/2004/TT-BTC ngày 04/02/2004 của Bộ Tài chính.

### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 149/2007/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của UBND Thành phố Hà Nội (cũ) về việc thu phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn thành phố Hà Nội, Quyết định số 2262/2006/QĐ-UBND ngày 19/12/2006, Quyết định số 2403/2007/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 của UBND tỉnh Hà Tây (cũ) về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tây.

### **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính; Giao thông vận tải; Kho bạc Nhà nước Hà Nội; Cục Thuế thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND các quận, huyện, và cấp tương đương; Các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 8;
- TT Thành ủy, VP Thành ủy;
- Đoàn ĐB Quốc Hội Hà Nội;
- TT HĐND TP; Ban KTNS - HĐND TP;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Các Bộ: Tài chính, Giao thông vận tải, Tư Pháp;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Các sở, ban ngành của TP;
- Trung tâm công báo; Công giao tiếp điện tử TP;
- CPVP, các Phòng CV;
- Lưu VT.

(UBND các quận, huyện và tương đương có trách nhiệm sao gửi QĐ này đến UBND phường, xã, thị trấn trên địa bàn).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hoàng Mạnh Hiến**